

I. KHÁCH HÀNG T? CH?C > 3.

Chuy?n ti?n thanh toán các kho?
n lãi ph?t/b?i th??ng/hoàn ?ng
liên quan XK, NK hàng hóa/ d?
ch v?

3. Chuy?n ti?n thanh toán các kho?
n lãi ph?t/b?i th??ng/hoàn ?ng liên quan XK,
NK hàng hóa/ d?ch v?

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
1	Thanh toán lãi phạt/lãi trả chậm do chậm thanh toán tiền hàng NK	<ul style="list-style-type: none">• Hợp đồng mua hàng với nước ngoài.• TKHQ NK.• Văn bản thỏa thuận giữa 2 bên có nội dung:<ul style="list-style-type: none">• Kéo dài thời hạn thanh toán/Chậm thanh toán tiền mua hàng;• Quy định mức/phương pháp tính lãi phạt/lãi trả chậm.• Hóa đơn/Giấy báo nợ (đối với tiền lãi phạt/lãi trả chậm). Lưu ý: <ul style="list-style-type: none">• Chứng từ (3) không cần cung cấp nếu chứng từ (1) đã quy định bao gồm các nội dung của chứng từ (3).• Chứng từ (4) không cần cung cấp nếu chứng từ (3) đã thể hiện cụ thể số tiền lãi phạt/lãi trả chậm phù hợp với số tiền KH yêu cầu thanh toán.

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
2	Bồi thường liên quan bán hàng hóa/cung cấp dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng bán hàng/cung cấp dịch vụ cho nước ngoài. • Chứng từ báo có nước ngoài/TKHQ XK hàng hóa. • Văn bản thỏa thuận bồi thường, thể hiện lý do bồi thường và số tiền bồi thường hoặc Quyết định của Cơ quan thẩm quyền (trong nước/nước ngoài) yêu cầu KH phải bồi thường cho Bên mua hàng/Bên sử dụng dịch vụ. • Hóa đơn/Giấy báo nợ (trong trường hợp chứng từ (3) không thể hiện số tiền bồi thường), có dẫn chiếu đến số của chứng từ (3). <p>Lưu ý: Người thụ hưởng là Bên mua hàng/Bên sử dụng dịch vụ trên chứng từ (1) hoặc Bên thứ 3 được chỉ định rõ vai trò hợp lý trên chứng từ (3).</p>
3	Hoàn trả toàn bộ/một phần tiền ứng trước do không thể XK hàng/cung ứng dịch vụ hoặc tiền đặt cọc khác liên quan quan XK hàng/cung ứng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng bán hàng/cung cấp dịch vụ cho nước ngoài. • Chứng từ báo có nước ngoài. • Văn bản thỏa thuận hoàn trả một phần/toàn bộ tiền ứng trước thể hiện lý do yêu cầu hoàn trả và số tiền hoàn trả. • Hóa đơn/Giấy báo nợ (trong trường hợp chứng từ (3) không thể hiện số tiền hoàn trả), có dẫn chiếu đến số của chứng từ (3). • TKHQ liên quan hàng hóa XK (chỉ cung cấp trong trường hợp KH có thực hiện XK hàng hóa) . <p>Lưu ý: Người thụ hưởng là Bên mua hàng/Bên sử dụng dịch vụ trên chứng từ (1) hoặc Bên thứ 3 được chỉ định rõ với vai trò hợp lý trên chứng từ (3).</p>

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
4	Thanh toán tiền phạt do bốc/dỡ hàng chậm	<p>a) Thanh toán cho bên cho thuê phương tiện vận chuyển nước ngoài do KH (Bên thuê phương tiện vận chuyển) bốc/dỡ hàng chậm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng thuê phương tiện vận chuyển (có điều khoản phạt bốc/dỡ hàng chậm). • Hóa đơn/Giấy báo nợ. • TKHQ XK/NK. <p>Lưu ý: Chấp nhận chứng từ (3) là Chứng từ vận chuyển (B/L, AWB...) trong trường hợp KH kinh doanh chuyển khẩu. KH cung cấp thêm: Hợp đồng mua hàng, bán hàng với nước ngoài và Chứng từ chứng minh việc bốc/dỡ hàng chậm do chủ/đại diện chủ phương tiện vận chuyển (hoặc nhà chuyên chở, đại lý nhà chuyên chở), thuyền trưởng/đại diện thuyền trưởng lập (KHÔNG áp dụng đối với DN có vốn đầu tư nước ngoài).</p> <p>b) Thanh toán cho Người XK/Người NK nước ngoài (Bên chịu trách nhiệm thuê phương tiện vận chuyển) do KH bốc/dỡ hàng chậm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng mua bán hàng hóa với nước ngoài (có điều khoản phạt bốc/dỡ hàng chậm) hoặc Văn bản thỏa thuận việc phạt bốc/dỡ hàng chậm. • Hóa đơn/Giấy báo nợ ký phát bởi Người XK/Người NK nước ngoài, đòi tiền KH tiền phạt bốc/dỡ hàng chậm. • Chứng từ do chủ/đại diện chủ phương tiện vận chuyển (hoặc nhà chuyên chở, đại lý nhà chuyên chở), thuyền trưởng/đại diện thuyền trưởng lập cho thấy việc bốc/dỡ hàng chậm. • TKHQ XK/NK. <p>Lưu ý: Chấp nhận chứng từ (4) là Chứng từ vận chuyển (B/L, AWB...) trong trường hợp KH kinh doanh chuyển khẩu và KH cung cấp thêm: Hợp đồng mua hàng, bán hàng với nước ngoài (KHÔNG áp dụng đối với DN có vốn đầu tư nước ngoài).</p>

[[#_Toc177750949 .anchor}]

**

**

1. Chuyển tiền một chiều

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
------------	-----------------	-------------------------

<p>1</p>	<p>Chuyển thu nhập về nước cho người nước ngoài làm việc tại VN</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy phép lao động/Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động do Cơ quan thẩm quyền VN cấp. • Bảng lương có xác nhận của KH (thời hạn tối đa 3 năm đến thời điểm chuyển tiền). • Văn bản của người lao động ủy quyền cho KH được phép chuyển thu nhập của người lao động về nước . <p>Lưu ý :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bên thụ hưởng là người lao động: Nội dung diễn giải trên Lệnh chuyển tiền ghi rõ “Chuyển thu nhập từ ...(về lương/thưởng/trợ cấp...tháng...) của Ông/Bà ... về nước theo VB ủy quyền của ông/bà ... cho công ty ... ngày...”. • Bên thụ hưởng không phải là người lao động: Nội dung diễn giải trên Lệnh chuyển tiền ghi rõ “Chuyển thu nhập của Ông/Bà ... về nước theo VB ủy quyền của ông/bà ... cho công ty ... ngày...”. • KH không cung cấp chứng từ số (1), chấp nhận KH cung cấp: • “Cam kết về việc tuân thủ Pháp luật lao động”: Cam kết được lập thành văn bản riêng hoặc thể hiện trên LCT với nội dung “Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm đối với việc tuân thủ quy định pháp luật lao động đối với người lao động là người nước ngoài, bao gồm nhưng không giới hạn việc chuyển thu nhập về nước cho người lao động và bảo đảm Giấy phép lao động/Giấy xác nhận người lao động không thuộc diện cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo quy định của pháp luật, và NH TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN – được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với các vấn đề phát sinh có liên quan”. KH cung cấp kèm theo Hộ chiếu và Visa nhập cảnh VN/Giấy tờ cho phép lưu trú tại VN của người lao động; hoặc • Chứng từ chứng minh người lao động thuộc trường hợp quy định tại khoản 4, 6 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi/bổ sung/thay thế.
----------	---	--

2

Chuyển tiền ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ theo các cam kết, thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài. Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ

a) Nguồn tài trợ, viện trợ là các khoản kinh phí từ ngân sách:

- Cam kết thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài.
- Chứng từ cấp thẩm quyền về việc KH được phép chuyển tiền viện trợ ra nước ngoài.
- Chứng từ báo có về việc KH thu các khoản kinh phí từ ngân sách đối với trường hợp nguồn viện trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ:

- Cam kết thỏa thuận giữa Nhà nước, Chính phủ, các cấp chính quyền địa phương với nước ngoài.
- Chứng từ cấp thẩm quyền về việc KH được phép chuyển tiền viện trợ ra nước ngoài.
- Chứng từ chứng minh mục đích tài trợ.
- Chứng từ chứng minh nguồn tài trợ.
- Quyết định phê duyệt mức tài trợ của người đại diện hợp pháp của KH.
- Văn bản cam kết về tính hợp pháp của nguồn tiền.

Chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ, viện trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh. Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước và/hoặc nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ

a) Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân trong nước:

- Văn bản về việc huy động, tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện để tài trợ, viện trợ, trong đó bao gồm các nội dung chính: Mục đích tài trợ, viện trợ; đối tượng hưởng tài trợ, viện trợ; thời điểm bắt đầu và kết thúc nhận tiền đóng góp tự nguyện; cách thức tiếp nhận tiền đóng góp là chuyển khoản và/hoặc tiền mặt, đồng tiền đóng góp là đồng Việt Nam; thông tin tài khoản (TK) tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện.

- Danh sách bao gồm tên, địa chỉ (nếu có) kèm theo số tiền của tổ chức, cá nhân đóng góp tự nguyện.

- Chứng từ chứng minh số tiền đã nhận được từ nguồn đóng góp tự nguyện.

- Văn bản cam kết của tổ chức về việc tổ chức chỉ mở một tài khoản tại một NH được phép để tiếp nhận tiền đóng góp tự nguyện.

- Thông tin xảy ra sự kiện, chứng từ do bên nước ngoài cung cấp thể hiện thông tin người hưởng.

- Thông báo kêu gọi tài trợ, viện trợ (nếu có).

b) Nguồn tài trợ, viện trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ, viện trợ :

- Thông tin xảy ra sự kiện, chứng từ do bên nước ngoài cung cấp thể hiện thông tin người hưởng.

- Thông báo kêu gọi tài trợ, viện trợ (nếu có).

- Chứng từ chứng minh mục đích tài trợ.

- Chứng từ chứng minh nguồn tài trợ.

- Quyết định phê duyệt mức tài trợ của người đại diện hợp pháp của KH.

4	<p>Chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để tài trợ cho các chương trình, các quỹ, dự án do tổ chức trong nước và/hoặc tổ chức ở nước ngoài thành lập nhằm mục đích hỗ trợ và khuyến khích phát triển trong các lĩnh vực: văn hóa, giáo dục (tài trợ học bổng), y tế. Nguồn tài trợ là nguồn tiền của chính tổ chức tài trợ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Chứng từ chứng minh mục đích tài trợ. • Chứng từ chứng minh nguồn tài trợ. • Quyết định phê duyệt mức tài trợ của người đại diện hợp pháp của KH. • Văn bản cam kết về tính hợp pháp của nguồn tiền và chỉ mua, chuyển ngoại tệ tại một NH được phép trong toàn bộ quá trình thực hiện tài trợ cho mỗi chương trình, quỹ, dự án. <p>Lưu ý: Tối đa không vượt quá 50.000 USD (Năm mươi nghìn đô la Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương/ một lần chuyển tiền.</p>
5	<p>Chuyển nguồn thu hợp pháp cho người không cư trú là tổ chức từ số dư trên tài khoản</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Sổ phụ TK của KH mở tại Sacombank. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • ĐV tự chịu trách nhiệm về việc mở và sử dụng (thu, chi) tài khoản của người không cư trú là tổ chức theo đúng quy định của nghiệp vụ Huy động vốn. • Ngoài sổ phụ, ĐV cung cấp chứng từ chứng minh nguồn thu hợp pháp theo Quy định nghiệp vụ huy động vốn tương ứng với số tiền VNĐ dùng để mua ngoại tệ chuyển ra nước ngoài.

5. Chuyển tiền liên quan ??n vay, tr? n? n??c ngoài c?a bên ?i vay không ph?i TCTD/CN Ngân hàng n??c ngoài

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
-----	----------	------------------

Chuyển trả nợ gốc, lãi, phí cho các khoản vay nước ngoài

- Thỏa thuận vay, thỏa thuận thay đổi khoản vay và các thỏa thuận khác có liên quan đến khoản vay nước ngoài.
- Chứng từ chứng minh việc rút vốn (VD: báo có vào TK Vay trả nợ nước ngoài số tiền từ nước ngoài chuyển về).
- Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của NHNN, các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi bổ sung của NHNN (trường hợp thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi), văn bản liên quan đến việc chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (nếu có).
- Chứng từ chứng minh mục đích vay ngắn hạn:

[CSV_TABLE]"Mục đích vay > Cơ cấu lại các khoản nợ nước ngoài > Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phải trả phục vụ thực hiện dự án đầu tư/kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án khác của bên đi vay: bằng tiền (không bao gồm các khoản nợ gốc của khoản vay trong nước), hợp đồng NK hàng hóa trả chậm () > *Thanh toán hợp đồng NK hàng hóa theo thư tín dụng được phát hành bởi NH phát hành () > **Trả nợ bắt buộc đối với NH phát hành theo thư tín dụng được phát hành bởi NH phát hành liên quan hợp đồng NK hàng hóa ()*** > Phục vụ hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay (thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành)", "Chứng từ cần cung cấp > Phương án cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài. > Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài. Bảng kê nhu cầu sử dụng vốn. Lưu ý: Trường hợp có sự thay đổi về chứng từ (b), KH phải cung cấp chứng từ (a) điều chỉnh tương ứng trước khi diễn ra nội dung thay đổi. Trường hợp (): *Chứng từ (a) hoặc (b) phải thể hiện thông tin hợp đồng NK hàng hóa trả chậm. Trường hợp (): **Chứng từ (a) hoặc (b) phải thể hiện thông tin hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, thư tín dụng. Trường hợp ():*** Chứng từ (a) hoặc (b) phải thể hiện thông tin hợp đồng NK hàng hóa, thư tín dụng và khoản nhận nợ bắt buộc. > Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài. Bảng kê nhu cầu sử dụng vốn. Chứng từ chứng minh bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành. Lưu ý : Thời hạn sử dụng vốn không quá 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn khoản vay

2

Chuyển trả nợ gốc, lãi, phí cho khoản vay dưới hình thức thuê tài chính nước ngoài

- Hợp đồng thuê tài chính nước ngoài theo quy định của Bộ tài chính.
- TKHQ tạm nhập.
- Biên bản/văn bản xác nhận giữa Bên đi vay và Bên cho vay thể hiện ngày Bên đi vay nhận tài sản thuê tài chính.
- Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của NHNN và các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi bổ sung của NHNN (trường hợp thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi), văn bản liên quan đến việc chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (nếu có).
- Chứng từ chứng minh việc bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm liên quan khoản vay: chứng từ chuyển tiền hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương. KH cam kết bằng văn bản (hoặc trên LCT) nếu không có phát sinh việc bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.

3

Bên bảo đảm là NCT chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo đảm (thay cho Bên đi vay)

- Thỏa thuận vay nước ngoài.
 - Các thỏa thuận về việc bảo lãnh, bảo đảm bằng tài sản liên quan đến khoản vay nước ngoài.
 - Văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm từ Bên cho vay (hoặc tổ chức đại diện cho Bên cho vay hoặc tổ chức đại diện Bên cho vay xử lý tài sản bảo đảm) phù hợp chứng từ (1) và (2), và nêu rõ Bên đi vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận vay.
 - Văn bản xác nhận của NH cung ứng dịch vụ TK của Bên đi vay về tình hình rút vốn, trả nợ khoản vay đến thời điểm đề nghị chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo đảm.
 - Văn bản xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài của NHNN trong đó có thông tin ghi nhận về biện pháp bảo đảm đối với khoản vay nước ngoài (trường hợp khoản vay trung, dài hạn tiền/thuê tài chính).
- Lưu ý:
- Chuyển tiền thông qua TK thanh toán.
 - Trường hợp tài khoản vay trả nợ nước ngoài của khoản vay không được mở tại Sacombank, trong thời gian 07 ngày làm việc tính từ ngày chuyển tiền, Sacombank gửi thông báo và điện thanh toán cho NH cung ứng dịch vụ tài khoản của Bên đi vay.

<p>4</p>	<p>Bên đi vay hoàn trả khoản nhận nợ cho Bên bảo đảm (áp dụng cho trường hợp thanh toán bằng ngoại tệ và TK của Bên bảo đảm mở tại nước ngoài).</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thỏa thuận vay nước ngoài và các thỏa thuận bảo đảm liên quan đến khoản vay nước ngoài. • Thỏa thuận các bên về nghĩa vụ hoàn trả khoản nhận nợ của bên đi vay đối với Bên bảo đảm. • Chứng từ chứng minh việc rút vốn (VD: báo có vào TK Vay trả nợ nước ngoài số tiền từ nước ngoài chuyển về). • Văn bản xác nhận đăng ký khoản vay nước ngoài của NHNN, các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi bổ sung của NHNN (trường hợp thuộc đối tượng phải đăng ký, đăng ký thay đổi), văn bản liên quan đến việc chấm dứt hiệu lực văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản vay nước ngoài (nếu có). • Chứng từ chứng minh mục đích vay ngắn hạn: tương tự chứng từ số 4 của điểm stt1 khoản này (Chuyển trả nợ gốc, lãi, phí cho các khoản vay nước ngoài). • Bản chụp màn hình Báo cáo tình hình vay trả nợ nước ngoài ngắn hạn của kỳ báo cáo gần nhất trên Trang điện tử (có xác nhận của KH). • Chứng từ chứng minh việc Bên bảo đảm đã thực hiện nghĩa vụ bảo đảm liên quan đến khoản vay (bản sao điện thanh toán qua Sacombank, điện thanh toán có xác nhận của NH khác, chứng từ chứng minh việc chuyển giao tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ....). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chứng từ (5) và (6) cung cấp khi thanh toán khoản vay ngắn hạn. • Chuyển tiền phải thông qua TK vay, trả nợ nước ngoài. • Trường hợp đồng tiền thanh toán khoản nhận nợ khác với đồng tiền của TK Vay, trả nợ nước ngoài, Bên đi vay được mở TKTT để thực hiện hoàn trả khoản nhận nợ với điều kiện TK Vay, trả nợ nước ngoài của Bên đi vay được mở tại Sacombank. • Số tiền chuyển ra nước ngoài tối đa bằng số tiền của chứng từ (7).
<p>KH cung cấp thêm chứng từ theo quy định Nghiệp vụ huy động vốn nếu khoản vay không thuộc trường hợp đăng ký thay đổi với NHNN.</p>	<p>KH cung cấp thêm chứng từ theo quy định Nghiệp vụ huy động vốn nếu khoản vay không thuộc trường hợp đăng ký thay đổi với NHNN.</p>	<p>KH cung cấp thêm chứng từ theo quy định Nghiệp vụ huy động vốn nếu khoản vay không thuộc trường hợp đăng ký thay đổi với NHNN.</p>

6. Chuyển tiền liên quan đến cho vay ra nước ngoài/bộ lãnh cho người không cư trú

Chuyển tiền cho vay ra nước ngoài

Mục đích	Chứng từ yêu cầu
Chuyển tiền cho vay ra nước ngoài của người cư trú là tổ chức kinh tế	<ul style="list-style-type: none">Hợp đồng cho vay.Văn bản của NHNN xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài và văn bản xác nhận đăng ký thay đổi bổ sung của NHNN (nếu phát sinh thay đổi). Lưu ý: <ul style="list-style-type: none">Việc chuyển tiền được thực hiện thông qua TK cho vay ra nước ngoài.Trường hợp KH - Bên cho vay là Nhà đầu tư cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài vay, việc chuyển tiền được thực hiện thông qua TK Vốn đầu tư ra nước ngoài.

Chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bộ lãnh

Mục đích	Chứng từ yêu cầu
----------	------------------

Bên bảo lãnh chuyển tiền thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Bên được bảo lãnh là người không cư trú (không bao gồm bảo lãnh khoản vay nước ngoài)

- Thỏa thuận phát hành bảo lãnh giữa Bên bảo lãnh và Bên được bảo lãnh.
 - Văn bản cam kết bảo lãnh.
 - Văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ Bên nhận bảo lãnh.
 - Văn bản xác nhận về việc đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của NHNN và các văn bản xác nhận đăng ký thay đổi bổ sung của NHNN, (nếu phát sinh thay đổi).
 - Chứng từ báo có của Bên được bảo lãnh thanh toán cho Bên bảo lãnh.
- Lưu ý:
- Việc chuyển tiền được thực hiện thông qua TK thực hiện bảo lãnh.
 - Nếu Bên bảo lãnh là Nhà đầu tư bảo lãnh cho chính pháp nhân thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài (Bên được bảo lãnh) thì phải chuyển tiền thông qua TK Vốn đầu tư ra nước ngoài.
 - Trường hợp chứng từ (1) thể hiện Bên được bảo lãnh thanh toán cho Bên bảo lãnh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:
 - KH phải cam kết bằng văn bản (hoặc trên LCT) về việc bổ sung Báo có của Bên được bảo lãnh thanh toán cho Bên bảo lãnh trong vòng 30 ngày kể từ ngày chuyển tiền;
 - KH không cần cung cấp chứng từ (4), trừ khi chứng từ báo có mà KH bổ sung thể hiện ngày giá trị vượt quá 30 ngày kể từ ngày chuyển tiền.
 - Trường hợp chứng từ (1) thể hiện Bên được bảo lãnh thanh toán cho Bên bảo lãnh trên 30 ngày kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, KH phải cam kết bằng văn bản (hoặc trên LCT) về việc bổ sung:
 - Văn bản xác nhận về việc đăng ký khoản thu hồi nợ bảo lãnh của NHNN trong vòng 45 ngày kể từ ngày chuyển tiền; và
 - Báo có của Bên được bảo lãnh thanh toán cho Bên bảo lãnh với thời gian bổ sung phù hợp với thời gian quy định trên chứng từ (1).

7. Chuyển tiền liên quan ??u t? tr?c ti?p

Chuyển tiền liên quan ??u t? tr?c ti?p n??c ngoài vào Vi?t Nam (VN)

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
-----	----------	------------------

<p>1</p>	<p>DN FDI chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại VN của Nhà đầu tư nước ngoài (thông qua TK Vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ/VND của DN FDI)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo tài chính của năm gần nhất đã được kiểm toán. • Văn bản phân chia lợi nhuận có xác nhận của DN (Văn bản của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu/Ban điều phối về việc phân chia lợi nhuận hoặc chia doanh thu...). • Thông báo về việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (theo mẫu quy định của Bộ tài chính, ký bởi Nhà đầu tư hoặc bởi Đại diện hợp pháp của DN FDI và có xác nhận của Cơ quan thuế v/v đã nhận Thông báo). • Chứng từ chứng minh DN FDI đã hoàn thành nghĩa vụ thuế TNDN với Nhà nước của năm gần nhất hoặc năm phát sinh lợi nhuận. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lợi nhuận được chia tối đa = (bằng) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. • Chứng từ số (1): Trường hợp chuyển lợi nhuận của nhiều năm trước thì cung cấp báo cáo tài chính của năm cần chuyển lợi nhuận và năm gần nhất. • Chứng từ số (4) có thể là: • Chứng từ số (1) thể hiện DN không nợ thuế TNDN. • Chứng từ nộp thuế TNDN của phần nợ thuế ghi trong Chứng từ số (1) (thể hiện ở Bản thuyết minh báo cáo tài chính - phần thuyết minh về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước để xác định phần nợ thuế TNDN). • Biên bản/Quyết định thanh tra thuế mới nhất thể hiện số thuế TNDN còn nợ kèm theo chứng từ nộp thuế của phần nợ thuế . • ... • Sacombank chỉ thực hiện chuyển sau 7 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan thuế xác nhận v/v đã nhận Thông báo. • Trường hợp KH chỉ chuyển từ TKVĐTTT bằng VND: ĐV lưu ý đảm bảo nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài được chi mua từ TKVĐTTT bằng VND của KH.
----------	--	--

DN FDI chuyển tiền từ việc chuyển nhượng vốn đầu tư/giảm vốn đầu tư (giảm vốn điều lệ) cho Nhà đầu tư nước ngoài (Thông qua TK Vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ/VND của DN FDI)

- Giấy chứng nhận đăng ký DN và/hoặc Sổ đăng ký cổ đông gần nhất có thể hiện thông tin Nhà đầu tư nước ngoài trước khi thay đổi tỷ lệ góp vốn/thay đổi Nhà đầu tư.
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (Thông báo góp vốn) trước khi thay đổi tỷ lệ vốn góp đầu tư/thay đổi Nhà đầu tư nước ngoài.
 - Hợp đồng chuyển nhượng vốn (trường hợp chuyển nhượng vốn) có xác nhận của DN; hoặc Văn bản của Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu/Đại hội đồng cổ đông về việc giảm Vốn điều lệ (trường hợp giảm vốn đầu tư).
 - Giấy chứng nhận đăng ký DN và/hoặc Sổ đăng ký cổ đông sau khi thay đổi tỷ lệ góp vốn/thay đổi Nhà đầu tư.
 - Báo có tiền chuyển nhượng vốn (trong trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư) vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài bằng VND.
 - Chứng từ chứng minh Nhà đầu tư nước ngoài đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước VN liên quan đến khoản chuyển nhượng cổ phần/vốn góp mà nhà đầu tư nước ngoài chuyển ra nước ngoài, bao gồm nhưng không hạn chế:
 - Tờ khai thuế TN/Thông báo nộp thuế kèm theo Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước; hoặc
 - Xác nhận của DN FDI v/v thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư đối với Nhà nước Việt Nam; hoặc
 - Xác nhận của Cơ quan thuế v/v đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam.
- Lưu ý:
- Trường hợp chứng từ số (2) là thông báo góp vốn, chứng từ phải thể hiện DN có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên của DN.
 - Không áp dụng đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp giữa các nhà đầu tư là người không cư trú hoặc giữa các nhà đầu tư là người cư trú.
 - Trường hợp KH chi chuyển từ TKVĐTTT bằng VND: ĐV lưu ý đảm bảo nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài được chi mua từ TKVĐTTT bằng VND của KH.

3	Nhà đầu tư nước ngoài chuyển vốn đầu tư trực tiếp/nguồn thu hợp pháp khác ra nước ngoài trong trường hợp DN FDI phải đóng TK vốn đầu tư trực tiếp do giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của DN (thông qua TKTT của nhà đầu tư nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy chứng nhận đăng ký DN và/hoặc Sổ đăng ký cổ đông gần nhất có thể hiện thông tin Nhà đầu tư nước ngoài. • Chứng từ thể hiện việc giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của DN do cơ quan có thẩm quyền cấp. • Văn bản của HĐQT/HĐTV/Chủ sở hữu về việc xử lý số tiền còn lại trong TK của DN FDI. • Chứng từ báo có vào TKTT của Nhà đầu tư nước ngoài từ TK của DN FDI. <p>Lưu ý: ĐV đảm bảo DN FDI mở TK VNĐTT tại Sacombank và đã hoàn tất thủ tục đóng TK này.</p>
---	--	---

7.2. Chuyển tiền liên quan ??u t? ra n??c ngoài

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
1	Chuyển chi phí cho hoạt động hình thành dự án đầu tư (không bao gồm lĩnh vực dầu khí) ở nước ngoài trước khi được cấp phép đầu tư (thông qua TK ngoại tệ trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy cam kết của nhà đầu tư (theo biểu mẫu BM-TTQT.TT.03). • Văn bản thỏa thuận giữa Nhà đầu tư và Đơn vị cung ứng nước ngoài. • Hóa đơn đòi tiền. • Chứng từ chứng minh giao dịch hoàn thành (tương ứng với số tiền đã chuyển ra nước ngoài). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chứng từ số (2) phải có nội dung liên quan đến hoạt động hình thành dự án đầu tư được quy định tại Khoản 2 Điều 82 Nghị định 31/2021/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài và/hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế theo từng thời kỳ. • Hạn mức chuyển không vượt quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và không quá USD300,000.00 , số tiền này được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài. • Chứng từ số (4) có thể bổ sung sau trong trường hợp chuyển tiền trả trước.

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
2	Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (không bao gồm đầu tư lĩnh vực dầu khí) của người cư trú là tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản của NHNN xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài. • Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền cấp. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp hồ sơ chuyển tiền của KH phát sinh nội dung thay đổi so với nội dung đã được NHNN xác nhận tại chứng từ số (1) nêu trên, ĐV thu thập thêm: <ul style="list-style-type: none"> • Đối với trường hợp phải đăng ký thay đổi với NHNN: Văn bản của NHNN xác nhận đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài. • Đối với trường hợp chỉ cần gửi thông báo, KHÔNG phải đăng ký thay đổi với NHNN: <ul style="list-style-type: none"> • Văn bản thông báo v/v thay đổi thể hiện: • Nội dung thay đổi. • Cam kết đã gửi thông báo thay đổi đến NHNN. • Bản sao văn bản điều chỉnh văn bản cho phép đầu tư ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền (do Bộ/Sở KHĐT cấp hoặc Bản trích xuất dữ liệu từ Cổng thông tin quốc gia về đầu tư (website “fdi.gov.vn”) thể hiện KH đã cập nhật thay đổi. • Đối với trường hợp đầu tư ra nước ngoài, việc chuyển tiền được thực hiện thông qua TK Vốn đầu tư ra nước ngoài.

8. Chuyển tiền liên quan ??u t? gián ti? p

<!-- -->

8.1. Chuyển tiền liên quan ??u t? gián ti?p n??c ngoài vào VN

Mục đích	Chứng từ yêu cầu
Chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài vào VN (thông qua TK Vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng VN)	<ul style="list-style-type: none"> Sổ phụ TK Vốn đầu tư gián tiếp bằng VND của Nhà đầu tư tại Sacombank. Lưu ý: <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài ủy quyền cho cá nhân/tổ chức khác chuyển tiền thì ngoài chứng từ nêu trên, KH cung cấp thêm Giấy tờ ủy quyền. ĐV đảm bảo nguồn ngoại tệ chuyển ra nước ngoài được chi mua từ TKVĐTGT bằng VND của KH.

8.2. Chuyển tiền liên quan đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
1	Chuyển vốn đầu tư ra gián tiếp nước ngoài (không bao gồm đầu tư lĩnh vực dầu khí) của người cư trú là tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> Văn bản của NHNN xác nhận về việc đăng ký hạn mức đầu tư (đối với đầu tư gián tiếp). Văn bản cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền (Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài ...). Lưu ý: Việc chuyển tiền được thực hiện thông qua TK Vốn tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ/TK Vốn nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ.

[Lưu ý:] Các mục đích chuyển tiền quy định tại mục I áp dụng đối với KHTC là NCT ngoại trừ các mục đích chuyển tiền áp dụng đối với KHTC là NKCT quy định cụ thể tại khoản 4 (stt5), điểm 7.1 (stt 3) khoản 7 và điểm 8.1 khoản 8.

II. KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

1. Danh mục hồ sơ:

Stt	Chứng từ yêu cầu
1	Giấy tờ tùy thân (GTTT) của người chuyển.

Stt	Chứng từ yêu cầu
2	<p>Giấy tờ chứng minh người chuyển tiền thuộc đối tượng chuyển tiền ra nước ngoài tùy theo mục đích được phép chuyển tiền như sau:</p> <p>[CSV_TABLE]Đối tượng chuyển tiền,Mục đích được phép chuyển tiền; NCT là công dân Việt Nam,Chuyển tiền 1 chiều quy định tại tiết 2.1.1 Chuyển tiền vốn đầu tư ra nước ngoài quy định tại tiết 2.1.2 Chuyển tiền vãng lai khác quy định tại tiết 2.1.3; Người đại diện hợp pháp của công dân Việt Nam,Chuyển tiền 1 chiều quy định tại tiết 2.1.1 Chuyển tiền dịch vụ khác quy định tại tiết 2.1.3 (b); Thân nhân của công dân Việt Nam,"Học tập, chữa bệnh ở nước ngoài"; NKCT hoặc NCT là người nước ngoài,"Chuyển tiền 1 chiều từ ngoại tệ có trên tài khoản/từ nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam/Chuyển tiền vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư vào VN quy định tại điểm 2.2"; Người được NKCT/NCT là người nước ngoài ủy quyền,"Chuyển tiền 1 chiều từ ngoại tệ có trên tài khoản/từ nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam/Chuyển tiền vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ hoạt động đầu tư vào VN quy định tại điểm 2.2"[/CSV_TABLE]</p>
3	<p>Giấy tờ chứng minh việc nhập cảnh hợp pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp trong trường hợp NKCT/NCT là người nước ngoài thực hiện chuyển tiền. • Không bắt buộc trong trường hợp KH giao dịch qua kênh IB/ủy quyền chuyển tiền.
4	<p>Giấy tờ chứng minh người nhận thuộc đối tượng được thụ hưởng tiền ở nước ngoài theo điểm 4.1 khoản 4 mục II Phụ lục 1.2 (Bản sao).</p>
5	<p>Giấy tờ chứng minh mục đích chuyển ngoại tệ ra nước ngoài (theo quy định tại khoản 2 mục II Phụ lục mục này).</p>

2. Chứng từ chứng minh cho mục đích chuyển ngoại tệ ra nước ngoài

<!-- -->

2.1. Chuyển tiền cho người cư trú là công dân Việt Nam

1. **Chuyển tiền 1 chiều**

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
1	Học tập ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Hộ chiếu của du học sinh • Thông báo chi phí của phía nước ngoài (Bản sao) • Được phát hành bởi nhà trường/cơ sở đào tạo nước ngoài/cơ quan thẩm quyền nước ngoài phụ trách đào tạo hoặc Bên thứ 3. • Có thể hiện tên trường/cơ sở đào tạo nước ngoài (nếu Thông báo chi phí do Bên thứ 3 phát hành) và tên du học sinh. • Thư tiếp nhận của nhà trường/cơ sở đào tạo nước ngoài/cơ quan có thẩm quyền phụ trách đào tạo (Bản sao) hoặc Giấy tờ chứng minh cá nhân đang học tập tại nước ngoài (thẻ học sinh, visa du học, ...) trong trường hợp không cung cấp chứng từ (2) hoặc thông tin thể hiện không đầy đủ (Bản sao). • Chuyển tiền học phí, sinh hoạt phí và chi phí khác (phí bảo hiểm, tài liệu học tập, ...) cho một/nhiều năm trước/sau năm hiện tại: • Chấp nhận nếu chuyển tiền theo chỉ định của Đơn vị phát hành Thông báo chi phí. • Trường hợp chuyển cho một/nhiều năm trước năm hiện tại: chỉ chấp nhận nếu thông báo chi phí được phát hành trong 30 ngày. • Trường hợp chuyển tiền vào TK của du học sinh/người đại diện hợp pháp: chỉ chấp nhận chuyển cho năm kế tiếp nếu ngày chuyển tiền rơi vào tháng 12 của năm hiện tại. • Lưu ý: • Nếu người chuyển là Người đại diện hợp pháp/thân nhân: chấp nhận chứng từ (1) là bản sao. • Nếu người chuyển tiền từ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thì nguồn tiền chuyển ra nước ngoài trích từ tài khoản của người chuyển.

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
2	Chữa bệnh ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Hộ chiếu của người bệnh. • Thông báo chi phí của phía nước ngoài (Bản sao). • Giấy tiếp nhận khám, chữa bệnh của cơ sở khám chữa bệnh nước ngoài (Bản sao)/Chứng từ chứng minh việc khám, chữa bệnh ở nước ngoài (Bản sao) có thể hiện tên người bệnh và tên cơ sở khám, chữa bệnh nước ngoài nếu: • Chứng từ (2) không được lập bởi cơ sở khám chữa bệnh nước ngoài/không thể hiện tên của người bệnh; hoặc • KH không cung cấp chứng từ (2) <p>Lưu ý : Nếu người chuyển là Người đại diện hợp pháp/thân nhân: chấp nhận chứng từ (1) là bản sao.</p>
3	Thanh toán chi phí công tác nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Quyết định cử đi công tác của cơ quan hoặc Giấy tờ chứng minh người đi công tác là chủ DN tư nhân/thành viên Hội đồng thành viên/Hội đồng quản trị. • Thông báo chi phí của nước ngoài (Bản sao). • Hộ chiếu của người đi công tác. • Visa/Thẻ APEC của người đi công tác (nếu quốc gia đến phải xin visa). <p>Lưu ý : Nếu người chuyển là Người đại diện hợp pháp: chấp nhận chứng từ (3) là bản sao.</p>
4	Du lịch, thăm viếng ở nước ngoài (chi phí tour, khách sạn, phương tiện vận chuyển...)	<ul style="list-style-type: none"> • Hợp đồng dịch vụ/Thông báo chi phí/Bảng báo giá của đơn vị cung ứng dịch vụ nước ngoài. • Chứng từ xác nhận dịch vụ (booking, vé, chương trình tour, ...). • Hộ chiếu của người đi du lịch. <p>Lưu ý : Nếu người chuyển là Người đại diện hợp pháp: chấp nhận chứng từ (3) là bản sao.</p>
5	Trả phí, lệ phí cho nước ngoài	<p>1. Thông báo phí, lệ phí của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc hội, hiệp hội nước ngoài (Bản sao).</p>

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
6	Trợ cấp cho thân nhân đang ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy tờ chứng minh người hưởng trợ cấp cư trú ở nước ngoài (Bản sao). Bao gồm nhưng không giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> • Chứng từ thể hiện người hưởng trợ cấp có quốc tịch nước ngoài; hoặc • Visa định cư; hoặc • Thẻ định cư; hoặc • Visa nhập cảnh/Thẻ cư trú/Xác nhận cư trú; hoặc • Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại về việc người hưởng trợ cấp đang ở nước ngoài. • Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Bản sao). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không chuyển trợ cấp trong trường hợp người hưởng trợ cấp cư trú ở nước ngoài với mục đích học tập, chữa bệnh, công tác, du lịch, thăm viếng ở nước ngoài. • Trường hợp chứng từ (1) không thể hiện rõ mục đích cư trú của người hưởng trợ cấp, KH cam kết mục đích cư trú của người hưởng trợ cấp trên LCT. • Trường hợp trợ cấp cho nhiều thân nhân ở nước ngoài nhưng chuyển tiền vào TK của 1 thân nhân, KH phải: <ul style="list-style-type: none"> • Cung cấp chứng từ chứng minh theo quy định cho từng thân nhân được trợ cấp; và • Giải thích hợp lý trên LCT lý do không thể chuyển tiền trực tiếp vào TK của từng người hưởng trợ cấp.

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
7	Chuyển tiền thừa kế cho người hưởng thừa kế ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Giấy tờ chứng minh người hưởng thừa kế được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép định cư hoặc cư trú dài hạn ở nước ngoài (trừ trường hợp học tập, công tác, du lịch, thăm viếng, chữa bệnh ở nước ngoài) (Bản sao). • Chứng từ chứng minh hưởng thừa kế: • Văn bản thỏa thuận phân chia di sản được công chứng, chứng thực; hoặc • Văn bản khai nhận di sản được công chứng, chứng thực, kèm chứng từ nộp thuế có thông tin để xác định tỷ lệ sở hữu của các bên khai nhận di sản; hoặc • Bản án/Quyết định giải quyết tranh chấp về thừa kế của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. • Chứng từ chứng minh số tiền chuyển ra nước ngoài có nguồn gốc từ tài sản được thừa kế: • Giấy tờ chứng minh di sản thừa kế đã quy đổi thành tiền như thỏa thuận, hợp đồng bán di sản thừa kế có công chứng (đối với những tài sản mà pháp luật quy định bắt buộc hợp đồng phải công chứng); hoặc • Giấy tờ chứng minh số tiền chuyển ra nước ngoài được rút từ sổ tiết kiệm, tài khoản tiền gửi không kỳ hạn là tài sản thừa kế. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Không cần cung cấp chứng từ nộp thuế trường hợp chỉ có 1 người thừa kế hoặc thừa kế giữa các đồng thừa kế cùng hàng theo pháp luật và các đồng thừa kế có cam kết bằng văn bản hoặc trên LCT về việc đồng ý cho KH chuyển tiền theo văn bản khai nhận và không phát sinh tranh chấp.

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
8	Định cư ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cho phép cư trú ở nước ngoài theo mục đích định cư hoặc chứng từ khác tương đương. • Hộ chiếu VN của người đi định cư. • Chứng từ chứng minh nguồn gốc tài sản: <ul style="list-style-type: none"> • Giá trị tài sản của người đi định cư phải được hình thành tại Việt Nam trước khi nhập quốc tịch nước ngoài hoặc trước khi được phép cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư theo quy định của nước sở tại. • Tùy theo nguồn gốc, thu thập Chứng từ chứng minh nguồn gốc tài sản tại mục (*) dưới đây. <p>Lưu ý : Nếu người chuyển là Người đại diện hợp pháp: chấp nhận chứng từ (1) (2) là bản sao.</p>

(*) Chứng từ chứng minh nguồn gốc tài sản của NCT là công dân VN:

Nguồn gốc tài sản	Chứng từ
Từ tất toán Thẻ tiết kiệm/Chứng chỉ tiền gửi/Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Sacombank hoặc NH khác (gọi chung là TTK)	Chứng từ tất toán TTK
Chứng từ chứng minh nguồn tiền được duy trì trên TK của KH tại Sacombank hoặc NH khác từ ngày tất toán TTK đến ngày chuyển tiền (Ví dụ: Sổ phụ TK	...).

Nguồn gốc tài sản	Chứng từ
<p>Từ bán/chuyển nhượng/cho thuê/sang nhượng tài sản</p>	<p>Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng/cho thuê/sang nhượng tài sản có công chứng/chứng thực. Văn bản xác nhận đã thanh toán tiền thuê tài sản/Sổ phụ/Báo có (trường hợp cho thuê tài sản). Lưu ý: Trường hợp KH cung cấp Phụ lục Hợp đồng hiệu chỉnh tăng trị giá mua bán/chuyển nhượng tài sản..., KH cung cấp thêm thông báo/chứng từ nộp thuế thu nhập cá nhân trên trị giá tài sản sau khi hiệu chỉnh. Trường hợp KH không cung cấp được thông báo/chứng từ nộp thuế thu nhập cá nhân trên trị giá tài sản sau khi hiệu chỉnh, chấp nhận chuyển tiền cho KH nếu kết quả thẩm định trên Báo cáo thẩm định giá bất động sản (ĐV lập theo mẫu trong nghiệp vụ cấp tín dụng hiện hành) cho thấy giá trị chuyển nhượng tài sản sau khi hiệu chỉnh là hợp lý. Chấp nhận hợp đồng cho thuê nhà không có công chứng, chứng thực nếu (i) hợp đồng ký kết sau ngày 01/07/2015 và (ii) 1 trong các bên trên hợp đồng là tổ chức (không áp dụng đối với hộ kinh doanh cá thể, cửa hàng, DN tư nhân). Trường hợp KH cung cấp Hợp đồng mua bán/chuyển nhượng/ sang nhượng bất động sản được lập sau thời điểm nhập quốc tịch/được phép cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư, ĐV thu thập thêm bản sao chứng từ sở hữu BĐS để kiểm tra đảm bảo Giá trị tài sản của người đi định cư phải được hình thành tại Việt Nam trước khi nhập quốc tịch nước ngoài hoặc trước khi được phép cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư theo quy định của nước sở tại.</p>
<p>Từ việc nhận bồi thường của Cơ quan có thẩm quyền</p>	<p>Văn bản hỗ trợ bồi thường của Cơ quan có thẩm quyền. Chứng từ chứng minh đã nhận tiền (Sổ phụ/Báo có/Phiếu chi tiền/Biên lai nhận tiền/...).</p>
<p>Từ việc nhận trợ cấp BHXH khi về hưu</p>	<p>Quyết định về việc hưởng trợ cấp BHXH một lần/Sổ BHXH (trường hợp nhận lương hưu định kỳ). Chứng từ chứng minh đã nhận tiền (Sổ phụ/Báo có/Phiếu chi tiền/Biên lai nhận tiền/...).</p>
<p>Từ trúng số</p>	<p>Chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức trả thu nhập khai có đóng dấu của cơ quan thuế, hoặc Chứng từ hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc văn bản xác nhận của công ty xổ số về việc KH có thu nhập từ việc trúng số và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế. Chấp nhận chứng từ khấu trừ thuế TNCN không có đóng dấu của cơ quan thuế nếu KH cung cấp thêm Phiếu thu của tổ chức trả thu nhập có diễn giải nội dung thu thuế TNCN trúng xổ số. Chứng từ chứng minh đã nhận tiền (Sổ phụ/Báo có/Phiếu chi tiền/Biên lai nhận tiền/...).</p>

Nguồn gốc tài sản	Chứng từ
Từ chuyển nhượng trái phiếu	Hợp đồng chuyển nhượng/mua bán trái phiếu có xác nhận của tổ chức phát hành/công ty chứng khoán/tổ chức đăng ký, lưu ký. Chứng từ chứng minh đã nhận tiền chuyển nhượng trái phiếu. Lưu ý: Chấp nhận hợp đồng mua bán không có công chứng, chứng thực nếu (i) Hợp đồng ký kết sau ngày 01/07/2015 và (ii) 1 trong các bên trên hợp đồng là tổ chức (không áp dụng đối với hộ kinh doanh cá thể, cửa hàng, DN tư nhân) Không áp dụng cho người có thu nhập là nhà đầu tư người nước ngoài. (Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện chuyển tiền theo các mục đích liên quan đầu tư nước ngoài vào VN đã được quy định tại quy trình).
Từ tiền được cho tặng	Hợp đồng cho tặng tiền được công chứng/chứng thực hoặc Vi bằng cho tặng tiền ký và đóng dấu của Văn phòng Thừa phát lại. Chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số tiền cho tặng. Lưu ý: Chỉ chuyển tiền nếu giao dịch tặng cho giữa Bên tặng cho và Bên nhận tặng cho có quan hệ thân nhân (KH cung cấp thêm chứng từ chứng minh mối quan hệ thân nhân). Chấp nhận số tiền cho tặng có nguồn gốc từ tất toán TTK của NCT với mức chuyển, thời gian duy trì TTK và các điều kiện khác quy định tại điểm 3.1 khoản 3 mục II Phụ lục 1.2. Chấp nhận số tiền cho tặng từ người nước ngoài hoặc NKCT có nguồn gốc: Từ tất toán TTK (TTK được mở từ nguồn trích tiền trên tài khoản). Từ báo có nước ngoài.
Nguồn gốc khác	Chứng từ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số tiền chuyển.
Lưu ý Trường hợp hợp đồng cho tặng/mua bán/chuyển nhượng/cho thuê tài sản/Văn bản xác nhận đã thanh toán tiền thuê tài sản/Bảng lương/Sổ phụ/Báo có trên 3 năm tính đến ngày chuyển, trước khi quyết định thực hiện giao dịch ĐV đánh giá giao dịch/KH, yêu cầu cung cấp chứng từ chứng minh dòng tiền tính đến thời điểm chuyển (nếu có). Nếu số tiền chuyển là tiền mặt (VND hoặc ngoại tệ do KH nộp vào, ĐV yêu cầu KH cung cấp Văn bản xác nhận (hoặc xác nhận trên LCT) về nguồn gốc số tiền từ việc cất giữ các khoản thu nhập hợp pháp theo chứng từ chứng minh cung cấp cho NH.	Lưu ý Trường hợp hợp đồng cho tặng/mua bán/chuyển nhượng/cho thuê tài sản/Văn bản xác nhận đã thanh toán tiền thuê tài sản/Bảng lương/Sổ phụ/Báo có trên 3 năm tính đến ngày chuyển, trước khi quyết định thực hiện giao dịch ĐV đánh giá giao dịch/KH, yêu cầu cung cấp chứng từ chứng minh dòng tiền tính đến thời điểm chuyển (nếu có). Nếu số tiền chuyển là tiền mặt (VND hoặc ngoại tệ do KH nộp vào, ĐV yêu cầu KH cung cấp Văn bản xác nhận (hoặc xác nhận trên LCT) về nguồn gốc số tiền từ việc cất giữ các khoản thu nhập hợp pháp theo chứng từ chứng minh cung cấp cho NH.

**

**

1. Chuyển tiền vốn đầu tư ra nước ngoài

Mục đích	Chứng từ chứng minh
----------	---------------------

<p>Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài (thông qua TK vốn đầu tư ra nước ngoài)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Văn bản của NHNN xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài. • Văn bản cho phép đầu tư ra nước ngoài của cơ quan có thẩm quyền (Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy chấp thuận đầu tư, Giấy phép đầu tư, ...). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chuyển tiền phát sinh nội dung thay đổi so với nội dung đã được NHNN xác nhận tại chứng từ 1 nêu trên, ĐV thực hiện theo quy định tại điểm 7.2 (stt 2) khoản 7 mục I của Phụ lục này. - Không áp dụng đối với đầu tư gián tiếp ra nước ngoài/đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động đầu khí.
--	--

2. Chuyển tiền vãng lai khác

a. Chuyển tiền thanh toán NK hàng hóa của cư dân biên giới

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
1	Thanh toán hàng hóa NK áp dụng cho người NK là cư dân biên giới	<ul style="list-style-type: none"> • Tờ khai NK hàng cư dân biên giới. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đồng tiền thanh toán là: • Đồng tiền nước chung biên giới (theo đúng quy định về thanh toán biên mậu VN-TQ và VN-Campuchia); hoặc • Ngoại tệ tự do chuyển đổi. Lưu ý: chỉ áp dụng đối với giao dịch mua bán hàng hóa qua biên giới Việt Nam – Campuchia. • KH cá nhân là cư dân biên giới được thanh toán tiền NK hàng hóa trả chậm (có thời hạn thanh toán trên 12 tháng) qua TKTT mà không cần thông qua TK Vay trả nợ nước ngoài.

a. Chuyển tiền dịch vụ khác

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
1	Thanh toán chi phí học online	1. Thông báo chi phí của nước ngoài (Bản sao).

Stt	Mục đích	Chứng từ chứng minh
2	Thanh toán chi phí liên quan thủ tục xin định cư ở nước ngoài (không bao gồm giá trị đầu tư để được phép có quốc tịch hoặc được định cư ở nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng dịch vụ. Thông báo chi phí. Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành: Chứng từ chứng minh dịch vụ hoàn thành theo tiến độ thanh toán (Giấy tờ cho phép định cư/từ chối của cơ quan có thẩm quyền/Biên bản thanh lý của các bên những nội dung công việc đã thực hiện...). Lưu ý: Chứng từ (3) có thể bổ sung sau trên cơ sở ĐV đánh giá, đảm bảo KH bổ sung chứng từ trong thời gian cam kết.
3	Thanh toán phí dịch vụ cho nước ngoài: phí xem xét hồ sơ, phí tham dự triển lãm, đăng bài trên báo... (Loại trừ chi phí liên quan thủ tục xin định cư ở nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo chi phí của nước ngoài (Bản sao). Hợp đồng dịch vụ. Giấy tờ chứng minh dịch vụ đã được thực hiện Lưu ý: Chứng từ (2), (3) cung cấp với hồ sơ trên USD5,000 (hoặc ngoại tệ khác tương đương).
4	Thanh toán phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Thông báo nộp phí ủy thác tư pháp do Tòa án nhân dân Tỉnh/thành phố cấp;

2.2. Chuyển tiền cho người không cư trú, người cư trú là người nước ngoài

2.2.1. Chuyển tiền 1 chiu {#chuyen-ti-n-1-chiu .unnumbered}

a. Chuyển ngoại tệ có trên tài khoản.

- Số phụ TK ngoại tệ của KH mở tại Sacombank.

“ **[Lưu ý:]** ”

- ĐV tự chịu trách nhiệm về việc mở và sử dụng (thu, chi) tài khoản của người nước ngoài, người không cư trú theo đúng quy định của nghiệp vụ huy động vốn.
 - Chuyển tiền từ nguồn thu hợp pháp tại Việt Nam.
- Tương tự Chứng từ chứng minh nguồn gốc tài sản của NCT là công dân VN tại tiết 2.1.1 điểm 2.1 khoản 2 mục II Phụ lục này, ngoại trừ nguồn thu từ Tất toán TTK.
- Chấp nhận thêm các nguồn thu sau:

Nguồn thu	Chứng từ chứng minh
-----------	---------------------

<p>Từ tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp</p>	<ul style="list-style-type: none"> Bảng thông tin lương/thưởng/phụ cấp/trợ cấp do DN sử dụng lao động lập hoặc Sổ phụ TK KH có thể hiện số tiền do DN chuyển vào trả lương/thưởng/phụ cấp/trợ cấp. Giấy phép lao động hoặc Giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không áp dụng với người đa quốc tịch và sử dụng quốc tịch Việt Nam để làm việc. KH không cung cấp Giấy phép lao động/Giấy xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động: chấp nhận KH cung cấp Chứng từ chứng minh người lao động thuộc trường hợp quy định tại khoản 4, 6 Điều 154 của Bộ luật Lao động và khoản 1, 2, 8 và 11 Điều 7 Nghị định 152/ 2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi/bổ sung.
<p>Từ số dư trên tài khoản VND (chỉ áp dụng cho người nước ngoài)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sổ phụ TK của KH mở tại Sacombank. Chứng từ chứng minh nguồn thu hợp pháp theo Quy định Nghiệp vụ huy động vốn tương ứng với số tiền VNĐ dùng để mua ngoại tệ chuyển ra nước ngoài. <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> ĐV tự chịu trách nhiệm về việc mở và sử dụng (thu, chi) tài khoản của người nước ngoài theo đúng Quy định của Nghiệp vụ huy động vốn.
<p>Từ số ngoại tệ mặt đã mang theo khi nhập cảnh vào VN</p>	<ul style="list-style-type: none"> Bản chính TKHQ nhập cảnh có xác nhận số tiền mang vào của Hải quan. Giấy tờ chứng minh việc KH đã bán ngoại tệ (nếu KH mua ngoại tệ để chuyển đi). <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thời hạn chuyển ngoại tệ chỉ có giá trị tối đa 60 ngày kể từ ngày mang vào (căn cứ vào ngày nhập cảnh vào VN). Chỉ chấp nhận chuyển cho người thụ hưởng là chính người mang vào.
<p>Từ tiền thừa kế</p>	<p>Tương tự tiết stt 7 tiết 2.1.1 điểm 2.1 khoản 2 mục II Phụ lục này.</p>

Lưu ý: tương tự Chứng từ chứng minh nguồn gốc tài sản của NCT là công dân VN tại tiết 2.1.1 điểm 2.1 khoản 2 mục II Phụ lục này.

2.2.2. Chuyển tiền v?n, l?i nhu?n và ngu?n thu h?p pháp t? ho?t ??ng ??u t? vào VN {#chuy?n-ti?n-v?n-l?i-nhu?n-và-ngu?n-thu-h?p-pháp-t?-ho?t-??ng-??u-t?-vào-vn .unnumbered}

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
1	<p>Chuyển vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp của Nhà đầu tư nước ngoài từ hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài vào VN (thông qua TK vốn đầu tư gián tiếp bằng VNĐ của nhà đầu tư nước ngoài)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sổ phụ TK vốn đầu tư gián tiếp bằng VNĐ của Nhà đầu tư tại Sacombank.

Stt	Mục đích	Chứng từ yêu cầu
2	Nhà đầu tư nước ngoài chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong trường hợp doanh nghiệp FDI phải đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp do giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của DN (thông qua TKTT của nhà đầu tư nước ngoài)	<ul style="list-style-type: none">• Giấy chứng nhận đăng ký DN và/hoặc Sổ đăng ký cổ đông gần nhất có thể hiện Nhà đầu tư nước ngoài.• Chứng từ thể hiện việc giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại của DN do cơ quan có thẩm quyền cấp.• Văn bản của HĐQT/HĐTV/Chủ sở hữu về việc xử lý số tiền còn lại trong TK của DN FDI.• Chứng từ báo có vào TKTT của Nhà đầu tư nước ngoài từ TK của DN FDI.• Lưu ý: ĐV đảm bảo DN FDI mở TK vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Sacombank và đã hoàn tất thủ tục đóng TK này.

Revision #1

Created 12 November 2025 02:03:38 by API Bot User

Updated 12 November 2025 02:03:38 by API Bot User